TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12-9-2023
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Văn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Huy và ông Hoàng Quốc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Hoàng Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 215/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023, về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 30-8-2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị B, sinh năm: 1990.

Địa chỉ:Tổ *, phường ĐT, thành phố YB, tỉnh Yên Bái – vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Trần Tuấn A, sinh năm: 1983.

Địa chỉ:Tổ *, phường ĐT, thành phố YB, tỉnh Yên Bái;

Hiện đang chấp hành án tại Đội *, Phân trại số *, Trại giam HC, xã HK, huyện TY, tỉnh Yên Bái – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn chị Vũ Thị B trình bày:

Chị và anh Trần Tuấn A đăng ký kết hôn ngày 31-3-2017, tại UBND xã VS, huyện BS, tỉnh Lạng Sơn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau dẫn đến xảy ra tranh cãi nhau. Anh Tuấn A thường xuyên vi phạm pháp luật, không có thời gian quan tâm đến vợ con. Chị và gia đình hai bên đã tìm cách khuyên giải nhiều lần nhưng anh Tuấn A vẫn không thay đổi. Hiện anh đang chấp hành án tại Trại giam HC. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Tuấn A.

Về nuôi con: Chị và anh Tuấn A có 02 con chung: Trần Thanh H-sinh ngày 15-10-2017 và Trần Ngọc H - sinh ngày 08-01-2021, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu. Hiện tại chị là lao động tự do thu nhập khoảng 9.000.000đồng/01 tháng, chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cả 02 con. Do anh Tuấn A đang chấp hành án phạt tù nên chị không yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của anh Trần Tuấn A ngày 17-7-2023, thể hiện:

Anh kết hôn với chị B ngày 31-3-2017, tại UBND xã VS, huyện BS, tỉnh Lạng Sơn trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 7-2022, thì do anh vi phạm pháp luật và hiện tại đang chấp hành án tại Trại giam HC do vậy chị B đã làm đơn ly hôn. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn với chị B.

Về nuôi con: Anh và chị B có 02 con chung: Trần Thanh H - sinh ngày 15-10-2017 và Trần Ngọc H - sinh ngày 08-01-2021. Anh đề nghị: Do anh đang chấp hành án tại Trại giam HC, chị B không có công việc và thu nhập ổn định nên để 02 con cho bố anh là Trần Văn Th và mẹ anh là Đào Thị Đ, địa chỉ:Tổ *, phường ĐT, thành phố YB, tỉnh Yên Bái trực tiếp nuôi dưỡng các cháu.

Về chia tài sản, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, các thành viên của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các quyền, nghĩa vụ của đương sự đã được bảo đảm.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của

Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147; các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị HĐXX giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí, buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con; bị đơn anh Trần Tuấn A có hộ khẩu thường trú tại tổ 01, phường ĐT, thành phố YB, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Vũ Thị B kết hôn với anh Trần Tuấn A ngày 31- 3-2017, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị B trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau dẫn đến xảy ra tranh cãi nhau. Anh Tuấn A thường xuyên vi phạm pháp luật, không có thời gian quan tâm đến vợ con. Chị và gia đình hai bên đã tìm cách khuyên giải nhiều lần nhưng anh Tuấn A vẫn không thay đổi. Anh Tuấn A cũng xác định do anh đang chấp hành án tại Trại giam HC nên chị B đã làm đơn xin ly hôn. Do anh Tuấn A đang chấp hành án phạt tù và chị B có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh Tuấn A. Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh Tuấn A đã trầm trọng, kéo dài, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị B là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3] Về nuôi con: Anh chị đều xác nhận có 02 con chung: Trần Thanh H - sinh ngày 15-10-2017 và Trần Ngọc H - sinh ngày 08-01-2021. Chị B đề nghị trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con. Anh Tuấn A đề nghị để bố, mẹ anh trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu, vì anh đang chấp hành án tại Trại giam HC, chị B không có công việc và thu nhập ổn định.

Hiện các cháu còn nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, anh Tuấn A đang trong thời gian chấp hành án, không có điều kiện để trực tiếp nuôi

dưỡng các cháu. Do đó, cần giao các cháu cho chị B nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi, anh Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với ý chí của chị B và phù hợp với quy định của pháp luật. Anh Tuấn A đề nghị giao các cháu cho bố mẹ anh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là không phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 và không thuộc trường hợp quy định tại Điều 104 của Luật Hôn nhân và gia đình nên đề nghị của anh Tuấn A không được chấp nhận.

[4] Về tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Vũ Thị B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị B được ly hôn anh Trần Tuấn A.

2. Về nuôi con: Giao cho chị Vũ Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu: Trần Thanh H - sinh ngày 15-10-2017 và Trần Ngọc H - sinh ngày 08-01-2021 đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Trần Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Vũ Thị B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số: AA/2022/0001518 ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái (do chị Nguyễn Thị Hiền nộp thay).

3. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị B, anh Trần Tuấn A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu

thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái ;
- VKSND TP.Yên Bái;
- THADS TP. Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND xã VS, huyện BS
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Văn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái ;
- VKSND TP.Yên Bái;
- THADS TP. Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND P.Yên Thịnh, TP Yên Bái
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Văn